TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 /11 /2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Thanh Văn.
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:155/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968.
ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở: Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh N. Đề nghị xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964. Đề nghị xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Ông S kết hôn với bà Đỗ Thị H tháng 10/1988, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng đoàn tụ ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hòa hợp tính tình nên hay xảy ra mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên không đánh cãi chửi nhau mà chỉ sống lạnh nhạt với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 1995 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, hiện tại bà H đang ở thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Bắc

Giang, còn ông S đang ở Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh N. Nay ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông S xin được ly hôn bà H theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh tháng 8/1989 và Nguyễn Văn L, sinh tháng 6/1992. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu toà án giải quyết.

Bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H kết hôn và chung sống với ông S từ năm 1988, quá trình chung sống với nhau vợ chồng đã có 02 con chung nhưng cuộc sống có nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1995 cho đến nay. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông S xin ly hôn bà H nhất trí.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh tháng 8/1989 và Nguyễn Văn L, sinh tháng 6/1992. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu toà án giải quyết.

Ngoài ra bà H và ông S đều có đơn đề nghị được vắng mặt khi Tòa án tiến hành hòa giải và khi xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51; 56- Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn bà Đỗ Thị H.

-Ông Nguyễn Văn Sơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án hiện trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Căn khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn S và bà Đỗ Thị H đều vắng mặt, nhưng ông S, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông S và bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn S và bà Đỗ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/11/1988 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn S: Ông S và bà H kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông S và bà H đều trình bày do hai bên không có sự hòa hợp tính tình nên hay xảy ra mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai và hai bên đã sống ly thân từ năm 1995 cho đến nay. Nay ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông S xin được ly hôn bà H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải giữa ông S và bà H để vợ chồng về đoàn tụ nhưng ông S và bà H hai bên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên được. Nay ông S xin ly hôn, bà H nhất trí chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn bà Đỗ Thị H là phù hợp pháp luật.

Con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Đỗ Thị H đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh tháng 8/1989 và Nguyễn Văn L, sinh tháng 6/1992. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Ông S và bà H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 277; Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn bà Đỗ Thị H.

-Án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí theo

biên lai số 05033 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận ông Nguyễn Văn S đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Việt Yên;
-CCTHADS huyện Việt Yên;
-UBND xã T;
-Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp